

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
(TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ TIẾNG PHÁP) ĐẦU VÀO, ĐẦU RA TRONG
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KỲ THI NGÀY: 02/8/2025 - 03/8/2025
NGOẠI NGỮ: TIẾNG PHÁP

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
				Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	d2tp001	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	04/01/1996	8,00	8,50	7,00	5,50	7,25	7,50
2	d2tp002	Nguyễn Thị Trúc Mai	15/01/1988	8,00	8,00	7,50	6,00	7,38	7,50
3	d2tp003	Trần Thị Hồng Hạnh	05/11/1987	9,50	9,00	7,50	7,00	8,25	8,50
4	d2tp004	Ngô Thế Nhân	22/03/1992	9,50	9,25	7,00	6,00	7,94	8,00
5	d2tp005	Lê Hoàng Oanh	23/02/2001	9,50	9,25	6,50	7,00	8,06	8,00
6	d2tp006	Trần Văn Minh Tân	25/07/1996	8,50	9,00	7,00	6,50	7,75	8,00
7	d2tp007	Tạ Lê Khả Thư	15/04/1997	7,50	7,50	7,50	7,00	7,38	7,50
8	d2tp008	Đặng Văn Thương	28/06/1975	6,00	5,75	6,50	6,00	6,06	6,00
9	d2tp009	Nguyễn Thị Thuý	26/10/1988	8,00	7,00	7,00	7,00	7,25	7,50
10	d2tp010	Bùi Thị Huyền Trân	25/06/1991	7,50	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50
11	d2tp011	Trần Thị Thy Trang	23/03/1991	8,50	7,50	7,00	6,00	7,25	7,50
12	d2tp012	Trịnh Trần Yến Trinh	09/02/1998	8,00	7,50	6,50	6,00	7,00	7,00
13	d2tp013	Nguyễn Thanh Trúc	13/07/1991	9,00	7,50	7,50	7,00	7,75	8,00
14	d2tp014	Lê Thị Thuý Vi	15/07/1995	8,50	6,75	7,00	6,50	7,19	7,00

Số thí sinh đăng ký dự thi: 14

Số thí sinh có điểm: 14

Ghi chú: Kết quả trung bình chung sau khi làm tròn được quy đổi như sau:

< 4,0: Không sử dụng kết quả đánh giá

Từ 4,0 - 5,5: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 3

≥ 6,0: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 4

ỦY VIÊN
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG



Nguyễn Hoàng Anh



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
(TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ TIẾNG PHÁP) ĐẦU VÀO, ĐẦU RA TRONG
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
KỲ THI NGÀY: 02/8/2025 - 03/8/2025
NGOẠI NGỮ: TIẾNG TRUNG QUỐC

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	d2tq015	Văn Tổ	Ni	25/09/1992	7,50	8,50	8,75	6,50	7,81	8,00
2	d2tq016	Nguyễn Quốc	Khánh	24/11/1993	8,50	9,25	7,25	7,00	8,00	8,00
3	d2tq017	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân	06/04/2002	9,00	9,25	8,50	7,00	8,44	8,50
4	d2tq018	Trần Thị	Bền	01/01/1987	7,75	7,25	6,75	6,00	6,94	7,00
5	d2tq019	Đặng Quốc	Chí	21/08/1993	8,75	9,50	7,50	7,00	8,19	8,00
6	d2tq020	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	08/05/1991	8,25	9,50	5,75	6,00	7,38	7,50
7	d2tq021	Võ Thị Hồng	Gấm	01/07/1994	7,00	8,75	6,25	6,50	7,13	7,00
8	d2tq022	Nguyễn Chí	Hải	30/03/1990	8,75	7,75	8,75	7,00	8,06	8,00
9	d2tq023	Trần Thị Diễm	Hương	02/05/1999	9,00	7,25	7,00	6,00	7,31	7,50
10	d2tq024	Lê Thị Diễm	Kiều	28/11/1991	6,75	6,00	4,50	5,50	5,69	5,50
11	d2tq025	Lê Thuý	Kiều	20/06/1986	6,00	3,00	6,50	7,00	5,63	5,50
12	d2tq026	Hồ Thu Cẩm	Linh	13/09/1991	9,00	7,75	8,25	6,50	7,88	8,00
13	d2tq027	Nguyễn Thị Yến	Linh	16/08/1999	6,50	6,25	6,25	6,00	6,25	6,50
14	d2tq028	Nguyễn Thị Kim	Loan	27/03/2001	7,00	7,50	6,00	7,00	6,88	7,00
15	d2tq029	Nguyễn Huỳnh Minh	Mẫn	08/01/1997	7,75	9,00	9,00	6,00	7,94	8,00
16	d2tq030	Huỳnh Thị Thu	Ngân	09/02/1991	8,00	5,50	7,25	6,50	6,81	7,00
17	d2tq031	Trần Thị Mai	Ngân	16/11/1997	9,50	8,00	6,25	7,00	7,69	7,50
18	d2tq032	Võ Hoàng	Ngân	08/11/1993	8,00	8,25	8,00	7,00	7,81	8,00
19	d2tq033	Trịnh Nguyễn Yến	Nhi	03/07/1999	9,25	9,25	8,50	7,00	8,50	8,50



TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
20	d2tq034	Dương Nhất	Như	02/03/2002	7,25	5,00	5,50	7,00	6,19	6,00
21	d2tq035	Lê Kim	Phụng	30/12/1995	7,25	5,25	4,50	6,00	5,75	6,00
22	d2tq036	Danh Thị Diệu	Tâm	23/11/2001	7,75	5,00	6,25	6,00	6,25	6,50
23	d2tq037	Huỳnh Hữu	Tâm	25/11/1993	5,00	2,50	5,50	7,00	5,00	5,00
24	d2tq038	Quang Thị Anh	Thư	25/12/1995	8,00	5,25	4,25	6,50	6,00	6,00
25	d2tq039	Trần Thị	Trang	16/02/1990	8,50	9,50	8,25	7,00	8,31	8,50
26	d2tq040	Trần Ngọc Mai	Trinh	07/01/1992	7,50	4,25	7,00	7,00	6,44	6,50
27	d2tq041	Nguyễn Thanh	Trúc	05/04/1990	7,50	3,00	5,75	7,50	5,94	6,00
28	d2tq042	Lê Anh	Tuấn	22/08/1976	8,00	8,25	6,50	5,50	7,06	7,00
29	d2tq043	Nguyễn Thị Kiều	Vân	25/05/1998	8,50	7,25	7,50	7,00	7,56	7,50
30	d2tq044	Phan Thị Thuỳ	Vân	10/01/1990	8,75	7,50	8,00	7,50	7,94	8,00
31	d2tq045	Nguyễn Đỗ Ngọc	Diệu	16/11/2001	8,50	7,75	6,75	7,50	7,63	7,50
32	d2tq046	Phạm Đỗ Uyên	Chi	30/08/1997	8,50	8,25	8,00	5,50	7,56	7,50
33	d2tq047	Đặng Thị Thanh	Nhàn	30/01/1984	8,25	8,75	8,00	7,50	8,13	8,00
34	d2tq048	Võ Thị Mỹ	Trâm	25/02/2000	8,25	8,50	6,50	5,50	7,19	7,00
35	d2tq049	Nguyễn Thanh Tường	Vĩ	14/01/1987	8,75	8,25	7,50	6,00	7,63	7,50
36	d2tq050	Nguyễn Công	Vương	20/04/1986	7,75	8,50	5,50	5,50	6,81	7,00
37	d2tq051	Phạm Thị Ngọc	Yến	30/07/1990	8,25	8,75	7,00	6,50	7,63	7,50
38	d2tq052	Nguyễn Hồng	Anh	12/01/1997	8,25	8,75	8,00	6,50	7,88	8,00
39	d2tq053	Phan Thị Bích	Chi	10/02/1977	8,00	9,00	7,50	6,00	7,63	7,50
40	d2tq054	Bùi Thị Yến	Cơ	25/10/2000	8,25	8,50	7,50	7,00	7,81	8,00
41	d2tq055	Phạm Huy	Cường	31/01/1975	7,50	8,25	6,50	5,50	6,94	7,00
42	d2tq056	Võ Thị Ngọc	Dung	20/07/1999	8,75	8,25	8,00	7,50	8,13	8,00
43	d2tq057	Võ Thị Hồng	Điệp	07/07/1991	7,75	8,25	8,50	6,50	7,75	8,00
44	d2tq058	Nguyễn Văn	Định	21/03/1969	7,75	8,50	7,00	5,50	7,19	7,00

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
45	d2tq059	Hoàng Hồng	Hạnh	04/12/1997	9,25	8,75	8,00	7,50	8,38	8,50
46	d2tq060	Võ Ngọc	Hạnh	04/10/1991	8,75	9,00	7,75	6,00	7,88	8,00
47	d2tq061	Trần Văn	Hiếu	25/12/1969	7,75	8,25	5,25	5,50	6,69	6,50
48	d2tq062	Dương Thị Ngọc	Hường	17/06/1991	8,25	8,25	7,50	5,50	7,38	7,50
49	d2tq063	Phan Thị Thúy	Kiều	18/01/1999	8,50	8,25	8,00	6,00	7,69	7,50
50	d2tq064	Nguyễn Cao	Kỳ	03/06/1993	7,25	8,00	7,50	7,00	7,44	7,50
51	d2tq065	Trần Minh	Mẫn	29/12/2000	8,75	8,50	7,00	7,50	7,94	8,00
52	d2tq066	Võ Văn Bé	Năm	25/09/1979	8,50	9,00	5,75	5,00	7,06	7,00
53	d2tq067	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/07/1994	8,00	8,50	8,00	6,50	7,75	8,00
54	d2tq068	Lê Thị Tiết	Ngọc	26/05/1993	7,50	8,25	7,25	6,00	7,25	7,50
55	d2tq069	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	13/01/1999	7,50	8,25	7,00	6,00	7,19	7,00
56	d2tq070	Lê Phan Mỹ	Ngọc	14/05/2000	7,50	8,25	6,00	7,00	7,19	7,00
57	d2tq071	Châu Oai	Ngựa	25/04/1992	7,50	8,25	8,00	6,00	7,44	7,50
58	d2tq072	Trần Dương Minh	Như	02/12/1999	9,75	9,50	9,00	8,00	9,06	9,00
59	d2tq073	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/06/1981	8,25	9,25	6,00	5,50	7,25	7,50
60	d2tq074	Vũ Thị Hoàng	Oanh	11/01/1991	7,75	8,50	7,50	6,00	7,44	7,50
61	d2tq075	Trần Thị Kim	Phi	30/08/1988	8,00	8,25	7,00	6,00	7,31	7,50
62	d2tq076	Trần Thanh	Phúc	25/11/1999	8,75	8,50	7,25	8,00	8,13	8,00
63	d2tq077	Trần Huỳnh Lan	Phương	25/05/1999	8,75	8,50	8,00	7,50	8,19	8,00
64	d2tq078	Nguyễn Hữu	Thắng	05/06/1976	8,00	7,50	5,50	5,50	6,63	6,50
65	d2tq079	Võ Thị Anh	Thư	10/07/1995	8,25	8,00	7,00	7,00	7,56	7,50
66	d2tq080	Nguyễn Thị Thu	Thùy	16/03/1991	8,25	8,75	8,00	8,00	8,25	8,50
67	d2tq081	Nguyễn Thị Kim	Tiên	27/05/1975	8,25	8,00	6,50	5,50	7,06	7,00
68	d2tq082	Trần Thị	Tím	24/05/1994	8,25	8,75	8,00	7,00	8,00	8,00
69	d2tq083	Lê Bảo	Trâm	26/05/2001	8,50	8,75	5,00	6,00	7,06	7,00

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi				Kết quả trung bình chung	Kết quả làm tròn
				Nghe	Đọc	Viết	Nói		
70	d2tq084	Lê Thị Thiên Trang	06/10/1990	8,75	8,50	8,50	8,00	8,44	8,50
71	d2tq085	Huỳnh Thị Thanh Trúc	24/08/2001	8,75	8,50	6,50	6,50	7,56	7,50
72	d2tq086	Nguyễn Thị Thảo Uyên	21/05/1989	8,00	8,25	7,50	6,00	7,44	7,50
73	d2tq087	Trần Lê Khánh Uyên	03/05/1999	8,25	8,50	6,25	7,50	7,63	7,50
74	d2tq088	Phạm Hồng Xiêm	23/12/1988	8,25	7,75	6,00	5,00	6,75	7,00
75	d2tq089	Trần Lê Xuân	01/11/1993	8,00	7,75	6,00	6,50	7,06	7,00
76	d2tq090	Phạm Lê Hải Yên	05/09/2002	9,00	8,50	7,75	7,00	8,06	8,00

Số thí sinh đăng ký dự thi: 76

Số thí sinh có điểm: 76

Ghi chú: Kết quả trung bình chung sau khi làm tròn được quy đổi như sau:

< 4,0: Không sử dụng kết quả đánh giá

Từ 4,0 - 5,5: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 3

≥ 6,0: Đạt năng lực ngoại ngữ Bậc 4

**ỦY VIÊN
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG**



Nguyễn Hoàng Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống**

